

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN

Giờ: 5

Ngày: 17.16.2026

## NGHỊ QUYẾT

Về việc tiếp tục hiệu lực của một số nghị định quy định chi tiết và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc tiếp tục hiệu lực của một số nghị định quy định chi tiết và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về việc tiếp tục hiệu lực của một số nghị định quy định chi tiết và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 cho đến khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục nghị định của Chính phủ tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần.

### Điều 2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Việc áp dụng các nghị định quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này phải bảo đảm phù hợp với quy định của luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đã có hiệu lực; bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước không bị gián đoạn; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong thời gian chưa có văn bản quy định chi tiết, quy định cụ thể biện pháp thi hành để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các quyết định, hành vi áp dụng pháp luật đã được cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trên cơ sở áp dụng các văn bản nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành.

### Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

## Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị quyết này; đồng thời, chủ trì xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết trong trường hợp cần thiết.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan gửi thông tin, báo cáo, đề xuất, kiến nghị tới Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn, xử lý các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg và các PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). DNam. 12

TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG



Tiến Châu



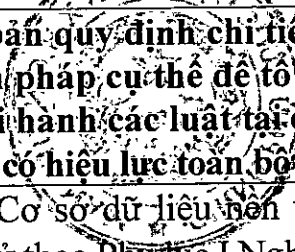
**Phụ lục**

**PHỤ LỤC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ TIẾP TỤC CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026  
LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Nghị quyết số 30/2026/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)*

**I. DANH MỤC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ TIẾP TỤC CÓ HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

| <b>TT</b> | <b>Tên luật có hiệu lực hoặc nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (A)</b>                  | <b>Tên luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từ ngày 01/01/2026 (B)</b>  | <b>Tên văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật tại cột (B) tiếp tục có hiệu lực toàn bộ</b>   |
|-----------|--|---|--|
| 1.        | Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15   | Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14  | 1. Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2026/NĐ-CP  |
| 2.        | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15   | Luật Giáo dục số 43/2019/QH14   | 2. Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người  |
| 3.        | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;<br>- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15; | - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;<br>- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14; | 3. Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 15/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (thành phần hồ sơ Giấy khám sức khỏe tại điểm đ khoản 2 Điều 5 được |

| TT | Tên luật có hiệu lực hoặc nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (A) | Tên luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từ ngày 01/01/2026 (B)  | Tên văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật tại cột (B) tiếp tục có hiệu lực toàn bộ  |
|----|--|--|--|
|    | - Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15   | - Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2015/QH13, Luật số 21/2017/QH14, Luật số 43/2019/QH14 và Luật số 84/2025/QH15 | <div data-bbox="1689 95 1984 399" style="text-align: center;">  </div> thay thế bằng Cơ sở dữ liệu nền tảng số sức khỏe điện tử theo Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP)<br><br>4. Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (điểm b khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP) |

## II. DANH MỤC NGHỊ ĐỊNH TIẾP TỤC CÓ HIỆU LỰC MỘT PHẦN

| TT | Tên luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 hoặc nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (A) | Tên luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từ ngày 01/01/2026 (B) | Tên văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật tại cột (B) tiếp tục có hiệu lực một phần (C)  | Điều, khoản, điểm tiếp tục có hiệu lực đối với các văn bản tại cột (C)  |
|----|---|---|---|---|
| 1. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15  | Luật Giáo dục số 43/2019/QH14                                       | Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách | <p>Toàn bộ văn bản tiếp tục có hiệu lực, trừ các quy định, thủ tục sau đây không tiếp tục áp dụng hoặc được thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật mới tương ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non quy định tại Điều 8 do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, theo khoản 1 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 9 do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, theo khoản 2 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp kinh phí và hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc nội trú của các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 10 do Ủy ban nhân dân cấp xã</li> </ul> |

|    |  |  |  |   |
|----|--|--|--|---|
|    |  |  |  | <p>thực hiện, theo khoản 3 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh và hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (không bao gồm hỗ trợ gạo) quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 12 do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, theo khoản 4 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.</p>   |
| 2. | Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 | Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2015/QH13, Luật số 21/2017/QH14, Luật số 43/2019/QH14 và Luật số 84/2025/QH15 | <p>1. Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;</p> <p>2. Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> | <p>Toàn bộ văn bản tiếp tục có hiệu lực, trừ các quy định, thủ tục sau đây không tiếp tục áp dụng hoặc được thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật mới tương ứng:</p> <p>- Không thực hiện quy định về thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường trung cấp, trường cao đẳng tại Điều 7 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP và Luật Giáo dục.</p> <p>- Thủ tục đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Điều 13 Nghị định 143/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; điều kiện, hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Điều 9 Nghị định 143/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục ra quyết định cho phép tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại</p> |

|  |  |  |  |   |
|--|--|--|--|---|
|  |  |  |  | <p>điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.IV mục 1, khoản G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP và không còn phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP và không còn phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số</p> |
|--|--|--|--|---|

|    |  |   |   |  |
|----|--|---|---|--|
|    |  |   |   | <p>143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.III, G.V mục 1, khoản G.I, G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng quy định tại Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định về cho phép giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.</p> |
| 3. | <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;</p> <p>- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15</p> | <p>- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;</p> <p>- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14</p> | <p>3. Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP</p> <p>4. Nghị định số</p> | <p>Toàn bộ văn bản tiếp tục có hiệu lực, trừ các quy định, thủ tục sau đây không tiếp tục áp dụng hoặc được thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật mới tương ứng:</p> <p>- Không thực hiện quy định về thẩm quyền quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục.</p> <p>- Thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở</p>   |

|  |  |  |   |   |
|--|--|--|---|---|
|  |  |  | <p>124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> | <p>giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm quyền giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li> <li>- Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học quy định tại Điều 94, Điều 95 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, theo mục I phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li> <li>- Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5a Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tự thực quy định tại Điều 98, Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục II phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li> </ul> |
|--|--|--|---|---|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>- Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 35, Điều 43, Điều 44 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thục quy định tại Điều 98, Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, theo mục III phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 36, khoản 4 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96, Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP hoặc thủ tục cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục IV Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định</p> |
|--|--|--|--|--|

|  |  |  |  |   |
|--|--|--|--|---|
|  |  |  |  | <p>tại khoản 4 Điều 36, Điều 37, khoản 5 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục V Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại mục VI Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại mục VII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số</p> |
|--|--|--|--|---|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>124/2024/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, theo mục VIII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục IX Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản A.I Mục 1, khoản A.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, theo mục X Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại</p> |
|--|--|--|--|--|

khoản 2, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học quy định tại Điều 15 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.I Mục 1, khoản B.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại Điều 25 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.VI, khoản B.XI Mục 1, B.III Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, theo mục XI Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.

- Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) quy định tại Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.V

Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, theo mục XII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.

- Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) quy định tại Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.V Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường), thủ tục giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) quy định tại Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.X, khoản B.XV Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, theo mục XIII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.

- Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn quy định tại khoản 1 Điều 36, Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm a khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 do đã được cắt giảm tại mục XIV Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.

- Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 36, khoản 2 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II Mục 1, Đ.III, Đ.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.II mục 1, A.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; nội dung này đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục XV Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.

- Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 36, khoản 3 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II, Đ.III, Đ.IV Mục 2

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  |  | <p>Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP thực hiện theo thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.II Mục 1, B.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, theo mục XVI Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục, thủ tục cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục quy định tại Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.VII, khoản B.XII Mục 1, B.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; nội dung này đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại mục XVII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49; nội dung này thực hiện theo quy định tại mục XVIII Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</p> |
|--|--|--|---|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50; nội dung này thực hiện theo quy định tại mục XIX Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li><li>- Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 do đã được cắt giảm tại mục XX Phần B Phụ lục IV Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li><li>- Không thực hiện thủ tục thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; khoản Đ.VIII, khoản Đ.X, khoản Đ.XI mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.</li></ul> |
|--|--|--|--|--|

- |  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thực hiện điều kiện phê duyệt liên kết giáo dục quy định tại Điều 7 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện điều kiện gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện điều kiện phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 1 Điều 18, Điều 19 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện điều kiện gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện điều kiện phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP do đã được cắt giảm tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện thủ tục phê duyệt liên kết giáo dục quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo</li> </ul> |
|--|--|--|--|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục quy định tại Điều 11 và 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện thủ tục phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định tại khoản 1 Điều 21, Điều 22, khoản 1 Điều 23, Điều 24 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định tại các khoản 1, 2, 5 và 6 Điều 25 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> <li>- Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo đề nghị của các bên liên kết quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</li> </ul> |
|--|--|--|--|--|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>- Không thực hiện thủ tục phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 21, Điều 22, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</p> <p>- Không thực hiện thủ tục chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; nội dung này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</p> |
|--|--|--|--|--|